

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



---

Tháng 2 năm 2018

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 43

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1. Ông Vũ Thanh Bình        | Chủ tịch Hội đồng Quản trị                                       |
| 2. Ông Bùi Minh Hải         | Ủy viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017) |
| 3. Bà Phạm Nguyệt Minh      | Ủy viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017) |
| 4. Bà Trần Thị Hoàn         | Ủy viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017)   |
| 5. Bà Đặng Thị Quỳnh Phương | Ủy viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017)   |
| 6. Ông Lê Đức Tứ            | Ủy viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017)   |
| 7. Ông Lê Mạnh Hùng         | Ủy viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017)   |

#### **Ban Kiểm soát**

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| 1. Bà Nguyễn Thị Hương  | Trưởng ban  |
| 2. Bà Đặng Thị Xuân     | Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017)   |
| 3. Bà Hoàng Phương Hằng | Thành viên  |
| 4. Bà Nguyễn Thị Tiệp   | Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017) |
| 5. Ông Nguyễn Đức Cường | Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017) |

#### **Ban Giám đốc**

- |                        |  |
|------------------------|--|
| 1. Ông Vũ Thanh Bình   | Giám đốc                               |
| 2. Ông Phạm Văn Khương | Phó Giám đốc kiêm Phụ trách kinh doanh |
| 3. Nguyễn Thị Thu Nhân | Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng       |

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Thanh Bình**

**Giám đốc**

*Yên Bái, ngày 01 tháng 02 năm 2018*





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 020104/2018/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2018-072-01  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Quốc tế (IFC)**  
Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

**Trần Thiện Thanh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2018-072-01



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>627.003.970.129</b>	<b>244.146.298.643</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>124.021.168.833</b>	<b>135.245.944.019</b>
1. Tiền	111		30.049.219.464	1.745.944.019
2. Các khoản tương đương tiền	112		93.971.949.369	133.500.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>318.632.950.799</b>	<b>69.642.407.187</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	138.158.871.935	21.865.997.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	169.235.064.300	37.206.708.850
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	11.239.014.564	10.801.279.850
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(231.579.115)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>127.048.750.955</b>	<b>32.769.273.749</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	127.048.750.955	32.769.273.749
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>57.301.099.542</b>	<b>6.488.673.688</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	3.203.563.947	8.656.794
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.836.552.241	6.480.016.894
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	260.983.354	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>452.098.042.850</b>	<b>123.905.981.591</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>371.429.016.661</b>	<b>117.014.801.502</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	357.334.977.315	102.798.171.731
- Nguyên giá	222		401.430.153.269	125.704.778.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.095.175.954)	(22.906.607.113)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.094.039.346	14.216.629.771
- Nguyên giá	228		16.136.986.836	15.926.986.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.042.947.490)	(1.710.357.065)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>43.416.959.271</b>	<b>6.645.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	43.416.959.271	6.645.000.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.8	30.000.000.000	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.252.066.918</b>	<b>246.180.089</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5 b	7.252.066.918	246.180.089
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.079.102.012.979</b>	<b>368.052.280.234</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>772.777.221.890</b>	<b>250.327.823.184</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>574.425.971.890</b>	<b>95.325.173.184</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	214.484.393.180	8.389.248.322
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	19.384.427.674	1.860.202.962
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7 b	4.369.329.943	472.286.952
4. Phải trả người lao động	314		2.069.157.135	601.003.096
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.931.962.720	2.080.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2.979.908.438	461.057.300
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	328.204.728.599	81.457.206.927
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.064.201	4.167.625
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>198.351.250.000</b>	<b>155.002.650.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	198.351.250.000	155.002.650.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>306.324.791.089</b>	<b>117.724.457.050</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>306.324.791.089</b>	<b>117.724.457.050</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		136.000.000.000	86.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	86.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(15.000.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.989.240.828	4.387.924.619
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.564.926.542	1.564.926.542
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.311.333.750	25.771.605.889
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.589.802.045	14.209.612.027
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		31.721.531.705	11.561.993.862
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		107.474.289.969	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.079.102.012.979</b>	<b>368.052.280.234</b>

Nguyễn Thị Thu Nhân  
 Người lập biểu

Yên Bái, ngày 01 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Thị Thu Nhân  
 Kế toán trưởng



Vũ Thanh Bình  
 Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.331.810.935.761	193.837.344.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.060.480.413	119.790.440
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.330.750.455.348	193.717.553.868
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.201.067.979.432	149.503.456.680
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		129.682.475.916	44.214.097.188
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.955.862.435	2.273.772.037
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.717.210.291	4.529.288.220
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.468.502.517	3.409.993.795
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	32.525.994.953	14.707.132.911
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	14.443.262.254	5.949.675.936
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		76.951.870.853	21.301.772.158
12. Thu nhập khác	31		184.836.378	24.216.653
13. Chi phí khác	32		9.605.583	6.850.791.734
14. Lợi nhuận khác	40		175.230.795	(6.826.575.081)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		77.127.101.648	14.475.197.077
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	15.551.458.798	2.913.203.215
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61.575.642.850	11.561.993.862
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		55.368.490.421	11.561.993.862
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.207.152.429	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.8	3.784	1.210
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.8	3.784	1.210



Nguyễn Thị Thu Nhân  
 Người lập biểu

Yên Bái, ngày 01 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Thị Thu Nhân  
 Kế toán trưởng




Vũ Thanh Bình  
 Giám đốc




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	77.127.101.648	14.475.197.077
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	19.676.006.116	12.341.249.048
Các khoản dự phòng	03	-	69.473.734
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	180.554.789	467.183.430
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.971.954.550)	4.980.639.598
Chi phí lãi vay	06	8.468.502.517	3.409.993.795
<b>3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>101.480.210.520</b>	<b>35.743.736.682</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(311.337.808.571)	(64.640.031.548)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(94.279.477.206)	(4.114.502.070)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	160.561.997.812	12.816.495.042
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(10.200.793.982)	(129.549.861)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.988.123.130)	(3.409.993.795)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.011.969.922)	(2.667.304.421)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.961.325.373	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.413.684.484)	(696.190.028)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(160.228.323.590)</b>	<b>(27.097.339.999)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(210.737.136.289)	(65.347.543.400)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	24.875.060.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	33.570.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.968.887.883	1.863.974.468
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(223.198.248.406)</b>	<b>(38.608.508.932)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	117.985.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	700.535.424.598	343.144.054.119
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(425.998.934.920)	(195.023.489.049)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.316.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>372.205.489.678</b>	<b>148.120.565.070</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(11.221.082.318)</b>	<b>82.414.716.139</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>135.245.944.019</b>	<b>52.809.797.450</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.692.868)	21.430.430
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>124.021.168.833</b>	<b>135.245.944.019</b>

  
 Nguyễn Thị Thu Nhân  
 Người lập biểu  
 Yên Bái, ngày 01 tháng 02 năm 2018

  
 Nguyễn Thị Thu Nhân  
 Kế toán trưởng



Vũ Thanh Bình  
 Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

**Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHATYEN BAIM&P., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 146 nhân viên (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 89 nhân viên).

**Công ty con**

- (i) Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín ("Công ty con") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0801177672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 16 tháng 03 năm 2016. Hiện tại Công ty con đang hoạt động theo sửa đổi lần thứ 05 ngày 08 tháng 12 năm 2017.

Công ty con có tên giao dịch: AN TIN INTER – TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANTIN., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại số 294 đường Điện Biên Phủ, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 160 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 39 nhân viên).

- (ii) Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành ("Công ty con") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0801208793 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2017. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 ngày 14 tháng 08 năm 2017.

Công ty con có tên giao dịch: AN THANH PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANTHANHBICSOL.JSC.

Trụ sở của Công ty con tại số 95 đường Khúc Thừa Dụ, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là nhân viên 29 người.

**Vốn điều lệ của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 136.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu tỷ đồng chẵn) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Vốn điều lệ của Công ty (Tiếp theo)**

Danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Phổ thông	4.800.000	48.000.000.000
2	Phạm Hoàng Việt	Phổ thông	60.000	600.000.000
3	Nguyễn Lê Trung	Phổ thông	40.000	400.000.000
4	Lê Mạnh Hùng	Phổ thông	0	0

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: chế biến đá và các sản phẩm từ đá;

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa Plastic. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm nhựa (PE, PP);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán buôn hàng may mặc;
- Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- In ấn;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất ngành nhựa; và
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình thiết bị; Mua bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa, bao bì các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Ngày 14 tháng 06 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số 199/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái niêm yết cổ phiếu trên HOSE.

Ngày 22 tháng 06 năm 2017, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái chính thức giao dịch với mã chứng khoán là HII.

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty đã thực hiện đầu tư vào 02 Công ty là: Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín sở hữu 51% vốn Điều lệ (vốn Điều lệ là 100 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành sở hữu 51% vốn Điều lệ (vốn Điều lệ là 100 tỷ đồng).

Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 1023/2017/QĐ-HDQT ngày 23 tháng 10 năm 2017, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty đã thực hiện đầu tư vào 01 Công ty liên doanh, liên kết: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát sở hữu 30% vốn điều lệ (vốn Điều lệ là 100 tỷ đồng).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu (Tiếp theo)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	30
Tài sản cố định hữu hình khác	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Quyền sử dụng đất**

Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền đã trả để có được quyền sử dụng đất hợp pháp (gồm chi phí đã trả cho tổ chức, cá nhân chuyển nhượng hoặc chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...) hoặc theo thỏa thuận của các bên khi góp vốn. Việc xác định TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng đất của doanh nghiệp có thời hạn 48 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước là các khoản công cụ dụng cụ đã xuất dùng trong kỳ kế toán.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Trái phiếu phát hành (Tiếp theo)**

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều niên độ thì doanh thu được ghi nhận trong niên độ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của niên độ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu và chi phí (Tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	781.966.622	4.591.623
Tiền gửi ngân hàng	29.267.252.842	1.741.352.396
Các khoản tương đương tiền (*)	93.971.949.369	133.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>124.021.168.833</b>	<b>135.245.944.019</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn cụ thể như sau:

**Tại Công ty mẹ:** Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn với số tiền gửi là 11.082.710.864 đồng, kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng. Lãi suất khoản tiền gửi từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm, lãi được trả vào cuối kỳ.

**Tại Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành:** Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 4%/ năm đến 5%/năm tại các ngân hàng sau:

	31/12/2017	22/03/2017
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Hải Dương	15.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Hải Dương	17.186.704.110	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - chi nhánh Hải Dương	20.166.388.889	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hải Dương	16.678.645.500	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	11.357.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>80.889.238.499</b>	<b>-</b>

**Tại Công ty Cổ phần Liên Vân An Tín:** Khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt theo Hợp đồng số 19.12/2017/CNHD-CTCPLVAT với lãi suất 4,6%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Phải thu khách hàng trong nước	119.193.811.246	4.734.764.940
Phải thu khách hàng nước ngoài	18.965.060.689	17.131.232.662
<b>Cộng</b>	<b>138.158.871.935</b>	<b>21.865.997.602</b>
<b>Trong đó, Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết thuyết minh VII.1)</b>	<b>6.460.641.629</b>	-

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán trong nước	17.460.899.478	37.206.708.850
Trả trước cho người bán nước ngoài	151.774.164.822	-
<b>Cộng</b>	<b>169.235.064.300</b>	<b>37.206.708.850</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	7.292.405.126	708.396.154
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	477.686.880	-
Phải thu lãi tiền gửi tại ngân hàng	-	841.924.443
Thuế GTGT để nghị hoàn	-	9.250.959.253
Phải thu khác	3.468.922.558	-
<b>Cộng</b>	<b>11.239.014.564</b>	<b>10.801.279.850</b>

**5. Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí mua bảo hiểm	1.040.798.090	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	266.993.207	8.656.794
Chi phí thuê mặt bằng	587.843.316	-
Chi phí bảo dưỡng xe	707.354.856	-
Các khoản khác	600.574.478	-
<b>Cộng</b>	<b>3.203.563.947</b>	<b>8.656.794</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.372.416.581	79.967.971
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.879.650.337	166.212.118
<b>Cộng</b>	<b>7.252.066.918</b>	<b>246.180.089</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
Thị trấn Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

6. Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	768.163.818	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	48.681.277.887	-	26.759.812.518	-
Công cụ, dụng cụ	4.351.149.351	-	1.023.688.787	-
Thành phẩm	18.552.911.674	-	4.985.772.444	-
Hàng hoá	54.695.248.225	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>127.048.750.955</b>	<b>-</b>	<b>32.769.273.749</b>	<b>-</b>

**7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước**

Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Tăng do hợp nhất (*)	Số đã thực nộp/dã bù trừ trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng	202.114.928	103.761.420.101	-	103.963.535.029	-
Thuế xuất nhập khẩu	58.868.426	3.581.020.327	-	3.639.888.753	-
<b>Cộng</b>	<b>260.983.354</b>	<b>107.342.440.428</b>	<b>-</b>	<b>107.603.423.782</b>	<b>-</b>

**b. Các khoản phải trả**

Thuế giá trị gia tăng	-	32.410.617.557	-	32.410.617.557	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.881.757.222	-	1.881.757.222	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.239.980.039	15.551.458.798	235.409.776	12.011.969.922	465.081.387
Thuế thu nhập cá nhân	129.349.904	206.928.438	-	84.784.099	7.205.565
Các loại thuế khác	-	1.399.998.000	-	1.399.998.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.369.329.943</b>	<b>51.450.760.015</b>	<b>235.409.776</b>	<b>47.789.126.800</b>	<b>472.286.952</b>

(\*) Số dư thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 tại Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiên,  
Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP KCN kỹ thuật cao An Phát	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên.

**Thông tin về Công ty liên doanh, liên kết**

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát	Hải Dương	30,00%	Sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì; Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Kraft, máy móc sản xuất bao bì...); Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh nhà ở...

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cây lâu năm,		Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
					súc vật làm việc cho sản phẩm VND	VND		
<b>NGUYÊN GIÁ</b>								
Tại ngày 01/01/2017	38.243.388.869	79.516.541.580	4.701.510.758	1.341.337.637	1.902.000.000	-	-	125.704.778.844
Mua trong năm	-	58.335.893.956	63.130.481.442	253.772.727	-	85.000.000	-	121.805.148.125
Đầu tư XDCB hoàn thành	103.228.409.345	390.000.000	9.785.389.590	233.570.000	-	-	-	113.637.368.935
Tăng do mua công ty con	-	-	40.282.857.365	-	-	-	-	40.282.857.365
Tại ngày 31/12/2017	141.471.798.214	138.242.435.536	117.900.239.155	1.828.680.364	1.902.000.000	85.000.000	-	401.430.153.269
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>								
Tại ngày 01/01/2017	8.616.181.061	11.564.072.912	2.113.943.379	233.063.505	379.346.256	-	-	22.906.607.113
Khấu hao trong năm	1.752.035.091	10.091.059.038	7.227.978.406	183.581.334	63.224.376	25.537.446	-	19.343.415.691
Tăng do mua công ty con	-	-	1.845.153.150	-	-	-	-	1.845.153.150
Tại ngày 31/12/2017	10.368.216.152	21.655.131.950	11.187.074.935	416.644.839	442.570.632	25.537.446	-	44.095.175.954
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>								
Tại ngày 01/01/2017	29.627.207.808	67.952.468.668	2.587.567.379	1.108.274.132	1.522.653.744	-	-	102.798.171.731
Tại ngày 31/12/2017	131.103.582.062	116.587.303.586	106.713.164.220	1.412.035.525	1.459.429.368	59.462.554	-	357.334.977.315

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 355.844.302.444 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 99.708.025.748 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 93.906.364 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 93.906.364 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	15.926.986.836	-	15.926.986.836
Mua trong năm	-	210.000.000	210.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>15.926.986.836</b>	<b>210.000.000</b>	<b>16.136.986.836</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	1.710.357.065	-	1.710.357.065
Khấu hao trong năm	325.040.544	7.549.881	332.590.425
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.035.397.609</b>	<b>7.549.881</b>	<b>2.042.947.490</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	14.216.629.771	-	14.216.629.771
Tại ngày 31/12/2017	13.891.589.227	202.450.119	14.094.039.346

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nhà máy sản xuất hạt nhựa	-	6.645.000.000
Xây dựng Nhà xưởng	4.124.126.351	-
Máy móc thiết bị	39.292.832.920	-
<b>Cộng</b>	<b>43.416.959.271</b>	<b>6.645.000.000</b>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Kinh phí công đoàn	91.348.580	68.503.620
Bảo hiểm xã hội	2.992.890	7.019.798
Bảo hiểm y tế	768.118	2.566.177
Bảo hiểm thất nghiệp	2.611.359	554.233
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.882.187.491	382.413.472
<b>Cộng</b>	<b>2.979.908.438</b>	<b>461.057.300</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
Thị trấn Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	49.733.375.358	49.733.375.358	-	-
Phải trả nhà cung cấp trong nước	164.751.017.822	164.751.017.822	8.389.248.322	8.389.248.322
<b>Cộng</b>	<b>214.484.393.180</b>	<b>214.484.393.180</b>	<b>8.389.248.322</b>	<b>8.389.248.322</b>
<b>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (chỉ tiết xem thuyết minh VII.1)</b>	<b>118.710.455.114</b>	<b>118.710.455.114</b>	<b>5.315.168.082</b>	<b>5.315.168.082</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Người mua trả tiền trước nước ngoài	6.088.247.381	6.088.247.381	588.001.412	588.001.412
Người mua trả tiền trước trong nước	13.296.180.293	13.296.180.293	1.272.201.550	1.272.201.550
<b>Cộng</b>	<b>19.384.427.674</b>	<b>19.384.427.674</b>	<b>1.860.202.962</b>	<b>1.860.202.962</b>
<b>Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chỉ tiết xem thuyết minh VII.1)</b>	<b>12.391.635.293</b>	<b>12.391.635.293</b>	<b>1.271.234.550</b>	<b>1.271.234.550</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp Phìa Nam - Xã Văn Tiến,  
Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**15. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/3197534/HDTD ngày 08 tháng 05 năm 2017, hạn mức tín dụng tối đa là 60 tỷ đồng và ngoại tệ tương đương. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hết ngày 08 tháng 05 năm 2018. Lãi suất vay có điều chỉnh. Thời hạn trả lãi vay, gốc vay được quy định cụ thể trong từng hợp đồng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tại sản số 01/2014/3197534/HDBD ký ngày 26 tháng 05 năm 2014, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3197534/HDBD ký ngày 24 tháng 04 năm 2017.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 71/2017/HDCV/NHCKCNHDS ngày 31 tháng 03 năm 2017, tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng (hoặc ngoại tệ tương đương). Công ty vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 31 tháng 03 năm 2017 đến hết ngày 15 tháng 04 năm 2018. Thời hạn cho vay của từng khoản tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất điều chỉnh. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản khác theo hợp đồng thế chấp tại sản số 23/2015/HDTG/KCNHDS ngày 30 tháng 03 năm 2015.
- (iii) Khoản vay Công ty Nhựa và Môi trường Xanh An Phát theo hợp đồng vay vốn số 08122017-01/AP-YB ngày 08 tháng 12 năm 2017 và hợp đồng vay vốn số 08122017-02/AP-YB ngày 08 tháng 12 năm 2017, tổng số tiền vay là 30 tỷ đồng. Công ty vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 3 tháng từ ngày nhận tiền vay. Lãi suất khoản vay là 6%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền gốc và lãi vay thanh toán một lần khi đến hạn.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 175/2017/HDCV/KCNHDS ngày 04 tháng 07 năm 2017. Hạn mức cho vay là 150 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 04 tháng 07 năm 2017 đến ngày 03 tháng 07 năm 2018, thời hạn từng khoản vay không quá 4 tháng kể từ ngày ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Lãi suất cho vay bằng VND tại thời điểm ký hợp đồng là 6%/năm, và bằng USD là 2,9%/năm áp dụng cho những giấy nhận nợ phát sinh trước ngày 31 tháng 07 năm 2017. Lãi vay được trả vào ngày 20 hàng tháng, dư nợ gốc trả theo quy định của giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: thế chấp hàng tồn kho, phải thu luân chuyển của Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cấp tín dụng số HDG2017 0561/HDTD ngày 26 tháng 10 năm 2017, hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn của hạn mức là 12 tháng (đến ngày 26 tháng 10 năm 2018). Thời hạn của từng khoản vay không vượt quá 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi số 05/2017/TGKH/TCB cùng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng cầm cố ngày 14 tháng 09 năm 2017 và các phụ lục kèm theo.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**15. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cấp tín dụng số 22050.17.270.328.3571.TD ngày 03/11/2017. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng hoặc USD có giá trị tương đương. Thời hạn của hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến ngày 20/09/2018. Thời hạn của từng khoản tín dụng là 4 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quy định tại từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: trường hợp dư nợ dưới 15 tỷ đồng được bảo đảm bằng giấy tờ có giá, phương tiện vận tải, bất động sản đáp ứng điều kiện nhận tài sản của ngân hàng, trường hợp dư nợ vượt 15 tỷ đồng được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và môi trường xanh An Phát, Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái, và các tài sản khác theo quy định của Ngân hàng.

**16. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay tại Công ty mẹ</b>	<b>179.265.250.000</b>	<b>179.265.250.000</b>	<b>40.260.000.000</b>	<b>15.997.400.000</b>	<b>155.002.650.000</b>	<b>155.002.650.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	20.240.250.000	20.240.250.000	-	5.997.400.000	26.237.650.000	26.237.650.000
- Ông Nguyễn Văn Bình (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
- Ông Vũ Đức Trung	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Trái phiếu phát hành (iii)	129.025.000.000	129.025.000.000	260.000.000	-	128.765.000.000	128.765.000.000
<i>Gốc trái phiếu</i>	<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>	-	-	<i>130.000.000.000</i>	-
<i>Phí phát hành trái phiếu</i>	<i>(975.000.000)</i>	<i>(975.000.000)</i>	<i>260.000.000</i>	-	<i>(1.235.000.000)</i>	-
<b>Vay tại Công ty CP Liên Vận An Tín</b>	<b>19.086.000.000</b>	<b>19.086.000.000</b>	<b>25.050.000.000</b>	<b>5.964.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iv)	19.086.000.000	19.086.000.000	25.050.000.000	5.964.000.000	-	-
<i>Trong đó: Tăng trong năm do mua Công ty con</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>15.250.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>198.351.250.000</b>	<b>198.351.250.000</b>	<b>65.310.000.000</b>	<b>21.961.400.000</b>	<b>155.002.650.000</b>	<b>155.002.650.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

(i) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng vay trung hạn số 297/2015/HĐTDDA/KCNHDS ngày 27 tháng 11 năm 2015, giá trị vay tối đa là 15 tỷ đồng, thời hạn vay 05 năm. Mục đích sử dụng là để bù đắp chi phí dự án đầu tư 1 máy tạo hạt Taical 2 nông trục vít, model TKH-175JP. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHDS ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

Hợp đồng tín dụng số 218/2016/HSTDDA/KCNDS ngày 19 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 14.987.000.000 đồng. Khoản vay để nhập khẩu máy tạo hạt Taical 2 nông trục vít model TKH-175JP. Thời hạn vay vốn trong 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHDS ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

(ii) Khoản vay ông Nguyễn Văn Bình theo hợp đồng vay vốn số 015/2017/HII-VB ngày 05 tháng 12 năm 2017, số tiền vay là 30 tỷ đồng. Công ty vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay vốn 24 tháng bắt đầu từ ngày nhận tiền vay. Lãi suất vay là 6%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền gốc và tiền lãi được thanh toán một lần khi đến hạn.

(iii) Phát hành trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETINBANK.KCNHD - ANPHATYENBAI ngày 20 tháng 10 năm 2016 với số lượng là 130 trái phiếu mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Ngân hàng mua trái phiếu với giá mua bằng 100% mệnh giá trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm với lãi suất cố định trong năm đầu tiên là 8%/năm. Các kỳ tính lãi sau áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh một lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất trái phiếu đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày phát hành. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc ngày mua lại trái phiếu trước hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

**Mẫu số B 09 - DN/HN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

(iv) Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 04.07/2016-HDTĐA/NHCT340-ANTIN ngày 4/7/2016 với số tiền vay bằng VND không quá 9 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất của khoản vay cho 12 tháng đầu tiên là lãi suất ưu đãi 8%/năm; sau 12 tháng, lãi suất không áp dụng lãi suất ưu đãi trên. Mục đích của khoản vay thực hiện dự án mua phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp đảm bảo xác định theo hợp đồng thế chấp 04.07.16.33/HĐTC-ANTIN ký ngày 4/7/2016; giá trị tài sản theo Hợp đồng thế chấp là 18.000.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 29.11/CNHD9/2016/HĐĐA/ANTIN ngày 29 tháng 11 năm 2016 với số tiền vay VND không quá 7 tỷ đồng Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay cho 12 tháng đầu tiên là lãi suất ưu đãi 7,5%/năm; sau 12 tháng lãi suất không áp dụng lãi suất ưu đãi như trên. Mục đích của khoản vay thực hiện dự án đầu tư mua phương tiện vận tải. Biện pháp đảm bảo xác định theo hợp đồng thế chấp là 14.198.000.000 đồng.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14.06/CNHD9/2017/HDDCVDADTD/ANTIN/50XE ngày 14 tháng 6 năm 2017 với hạn mức cho vay 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay xác định cho từng lần nhận nợ. Mục đích của khoản vay thực hiện dự án đầu tư mua phương tiện vận tải. Biện pháp đảm bảo xác định theo hợp đồng thế chấp 14.06/CNHD9/2017/HĐTC/ANTIN/20ROMOOC/CIMC ngày 6/6/2017.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20.10/CNHD9/2017/HDCVDADT/ANTIN ngày 20 tháng 10 năm 2017, hạn mức cho vay không vượt quá 400.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay là 8%/năm và được ưu đãi trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau ưu đãi áp dụng lãi suất thông thường là 10%/năm. Mục đích khoản vay để thực hiện thanh toán đầu tư mua xe oto 5 chỗ RANGER 2.2 theo hợp đồng mua bán xe số 548/051017/HĐMB/HPF ký ngày 05/10/2017 để phục vụ đi lại của ban lãnh đạo công ty. Biện pháp đảm bảo xác định bằng giá trị xe ô tô theo hợp đồng mua bán nêu trên, số tiền là 600.000.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản số 20.10.17/BBĐG/RANGER.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**  
 Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
 Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

Mẫu số B 09 - DN/HN  
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND						
Số dư tại ngày 01/01/2016	86.000.000.000	-	4.064.590.888	1.564.926.542	14.856.279.489	-	106.485.796.919	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	11.561.993.862	-	11.561.993.862	
Phân phối lợi nhuận	-	-	323.333.731	-	(646.667.462)	-	(323.333.731)	
Số dư tại ngày 01/01/2017	86.000.000.000	-	4.387.924.619	1.564.926.542	25.771.605.889	-	117.724.457.050	
Vốn góp tăng trong năm (i)	50.000.000.000	(15.000.000)	-	-	-	98.000.000.000	147.985.000.000	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	464.330.318	386.941.931	851.272.249	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	55.368.490.421	6.207.152.429	61.575.642.850	
Do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong năm	-	-	-	-	(2.996.278.188)	2.996.278.188	-	
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	601.316.209	-	(1.896.814.690)	(116.082.579)	(1.411.581.060)	
Tạm ứng cổ tức năm 2017 (iii)	-	-	-	-	(20.400.000.000)	-	(20.400.000.000)	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>136.000.000.000</b>	<b>(15.000.000)</b>	<b>4.989.240.828</b>	<b>1.564.926.542</b>	<b>56.311.333.750</b>	<b>107.474.289.969</b>	<b>306.324.791.089</b>	

(i) Tăng vốn theo nghị quyết đại hội cổ đông số 1110/2016/NQ-DHDCD ngày 11 tháng 10 năm 2016 về việc thông qua phương án chi tiết tăng vốn điều lệ, danh sách các tổ chức, cá nhân góp vốn và thời gian góp vốn.

(ii) Phân phối lợi nhuận theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 2802/2017/BB-DHĐ ngày 28 tháng 2 năm 2017, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và sử dụng để bổ sung vốn lưu động 90% trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2016.

Theo Nghị quyết số 2707/2017/QĐ - HDQT ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Quản trị trên cơ sở Nghị quyết số 2802/2017/NQ-DHĐ ngày 28 tháng 2 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2017 đợt 1 với tỷ lệ 15%/cổ phần (mỗi cổ phần nhận được 1.500 đồng)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Cổ phiếu**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.*

**18. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất, bộ phận kinh doanh thương mại và bộ phận cung cấp dịch vụ. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận sản xuất	- Sản xuất thành phẩm
Bộ phận kinh doanh thương mại	- Bán hàng hóa
Bộ phận dịch vụ	- Cung cấp dịch vụ vận chuyển



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**  
 Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
 Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

**Mẫu số B 09 - DN/HN**  
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Sản xuất		Kinh doanh thương mại VND	Cung cấp dịch vụ		Loại trừ	Tổng cộng VND
	VND	VND		VND	VND		
<b>Tài sản</b>							
Tài sản bộ phận	570.807.619.768	430.925.059.410		121.356.673.952	(108.279.523.257)		1.014.809.829.873
Tài sản không phân bổ	-	-		-	-		64.292.183.106
<b>Tổng tài sản</b>	<b>570.807.619.768</b>	<b>430.925.059.410</b>		<b>121.356.673.952</b>	<b>(108.279.523.257)</b>		<b>1.079.102.012.979</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
Nợ phải trả bộ phận	414.476.555.248	332.469.406.171		22.690.324.011	(6.279.523.257)		763.356.762.173
Nợ phải trả không phân bổ	-	-		-	9.420.459.717		9.420.459.717
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>414.476.555.248</b>	<b>332.469.406.171</b>		<b>22.690.324.011</b>	<b>3.140.936.460</b>		<b>772.777.221.890</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**  
 Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
 Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

**Mẫu số B 09 - DN/HN**  
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**18. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 như sau:

	Sản xuất		Kinh doanh thương mại		Cung cấp dịch vụ		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>										
Tài sản bộ phận	356.582.661.517		4.734.764.940		-		-		361.317.426.457	
Tài sản không phân bổ	-		-		-		6.734.853.777		6.734.853.777	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>356.582.661.517</b>		<b>4.734.764.940</b>		-		<b>6.734.853.777</b>		<b>368.052.280.234</b>	
<b>Nợ phải trả</b>										
Nợ phải trả bộ phận	246.709.308.211		-		-		-		246.709.308.211	
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-		3.618.514.973		3.618.514.973	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>246.709.308.211</b>		-		-		<b>3.618.514.973</b>		<b>250.327.823.184</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****18. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Sản xuất		Kinh doanh thương mại	Cung cấp dịch vụ		Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	279.833.639.717	1.063.901.311.708	-	87.442.964.010	(100.427.460.087)	-	1.330.750.455.348
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>279.833.639.717</b>	<b>1.063.901.311.708</b>		<b>87.442.964.010</b>	<b>(100.427.460.087)</b>		<b>1.330.750.455.348</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	193.820.916.987	1.033.856.443.980		73.818.078.552	(100.427.460.087)		1.201.067.979.432
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	86.012.722.730	30.044.867.728		13.624.885.458	-		129.682.475.916
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	-		-	-		-
Chi phí phân bổ	-	-		-	-		-
Chi phí không phân bổ	-	-		-	-		46.969.257.207
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-		-	-		82.713.218.709
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết	-	-		-	-		-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-		-	-		4.955.862.435
Lợi nhuận khác	-	-		-	-		175.230.795
Chi phí tài chính	-	-		-	-		10.717.210.291
Lợi nhuận trước thuế	-	-		-	-		77.127.101.648
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-		-	-		15.551.458.798
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-		-	-		-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>							<b>61.575.642.850</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,  
Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****18. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Sản xuất		Kinh doanh thương mại		Cung cấp dịch vụ		Loại trừ		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Doanh thu</b>									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	171.342.796.807		22.374.757.061		-		-		193.717.553.868
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-		-		-		-		-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>171.342.796.807</b>		<b>22.374.757.061</b>		-		-		<b>193.717.553.868</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	128.301.031.486		21.202.425.194		-		-		149.503.456.680
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>									
Kết quả kinh doanh bộ phận	43.041.765.321		1.172.331.867		-		-		44.214.097.188
Chi phí không phân bổ	-		-		-		-		20.656.808.847
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-		-		-		-		23.557.288.341
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết	-		-		-		-		-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-		-		-		-		2.273.772.037
Lợi nhuận khác	-		-		-		-		(6.826.575.081)
Chi phí tài chính	-		-		-		-		4.529.288.220
Lợi nhuận trước thuế	-		-		-		-		14.475.197.077
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-		-		-		-		2.913.203.215
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-		-		-		-		-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>									<b>11.561.993.862</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**18. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có hoạt động tại Yên Bái, Hải Dương. Hoạt động sản xuất được thực hiện tại Yên Bái, hoạt động cung cấp dịch vụ được thực hiện ở Hải Dương.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tỉnh Hải Dương	849.593.739.892	-
Tỉnh Yên Bái	481.156.715.456	193.717.553.868
<b>Cộng</b>	<b>1.330.750.455.348</b>	<b>193.717.553.868</b>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2017	01/01/2017	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Tỉnh Hải Dương	581.464.899.463	-	101.730.147.898	
Tỉnh Yên Bái	497.637.113.516	368.052.280.234	174.205.226.527	102.155.259.668
<b>Cộng</b>	<b>1.079.102.012.979</b>	<b>368.052.280.234</b>	<b>275.935.374.425</b>	<b>102.155.259.668</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.331.810.935.761</b>	<b>193.837.344.308</b>
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	279.014.139.714	171.462.587.247
- Doanh thu bán hàng hóa	992.378.445.233	22.374.757.061
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.418.350.814	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.060.480.413</b>	<b>119.790.440</b>
- Giảm giá hàng bán	135.859.091	119.790.440
- Hàng bán bị trả lại	924.621.322	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.330.750.455.348</b>	<b>193.717.553.868</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	193.820.916.987	128.301.031.486
Giá vốn hàng hóa đã bán	956.242.769.340	21.202.425.194
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.004.293.105	-
<b>Cộng</b>	<b>1.201.067.979.432</b>	<b>149.503.456.680</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	3.971.954.550	1.863.974.468
Lãi chênh lệch tỷ giá	983.907.885	409.797.569
<b>Cộng</b>	<b>4.955.862.435</b>	<b>2.273.772.037</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.468.502.517	3.409.993.795
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.248.707.774	1.119.294.425
<b>Cộng</b>	<b>10.717.210.291</b>	<b>4.529.288.220</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	951.630.463	144.052.438
Chi phí nhân công	4.781.751.221	2.159.908.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.652.578.138	1.603.527.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.118.754.870	823.269.773
Chi phí khác bằng tiền	2.938.547.562	1.149.443.564
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	69.473.734
<b>Cộng</b>	<b>14.443.262.254</b>	<b>5.949.675.936</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.187.824.213	1.342.820.007
Chi phí nhân công	4.443.003.254	509.563.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.068.349	471.620.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.897.146.712	11.401.305.486
Chi phí khác bằng tiền	335.952.425	981.823.399
<b>Cộng</b>	<b>32.525.994.953</b>	<b>14.707.132.911</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Tại Công ty mẹ	10.781.147.833	2.913.203.215
Tại Công ty CP Liên Vận An Tín	1.405.601.122	-
Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành	3.364.709.843	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>15.551.458.798</b>	<b>2.913.203.215</b>

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.783.783.334	43.712.754.989
Chi phí nhân công	21.459.479.815	3.313.291.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.705.565.041	5.848.021.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.985.103.071	6.231.214.833
Chi phí khác bằng tiền	16.706.193.564	468.692.171
<b>Cộng</b>	<b>214.640.124.824</b>	<b>59.573.975.508</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu /Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

**a. Lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	55.368.490.421	11.561.993.862
<u>Trừ:</u> Quỹ khen thưởng phúc lợi phân chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (ii)	(5.536.849.041)	(1.156.199.386)
<i>Tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (iii)</i>	10,00%	10,00%
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)</b>	<b>49.831.641.380</b>	<b>10.405.794.476</b>
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Lãi từ các giấy nhận nợ có thể chuyển đổi (không bao gồm thuế)	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (i)</b>	<b>49.831.641.380</b>	<b>10.405.794.476</b>

- (i) Theo hướng dẫn trình bày chỉ tiêu “mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh của thông tư 200, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế”.
- (ii) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 2802/2017/BB-ĐHĐ ngày 28 tháng 2 năm 2017.
- (iii) Tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 lấy theo tỷ lệ trích lập của năm 2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu /Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

**b. Số cổ phiếu**

**Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	8.600.000	8.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành năm 2017	4.569.863	-
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>13.169.863</b>	<b>8.600.000</b>
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm</b>	<b>13.169.863</b>	<b>8.600.000</b>

**c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.784</b>	<b>1.210</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.784</b>	<b>1.210</b>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

**Chi tiết sự thay đổi của lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm 2016**

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11.561.993.862	1.277
Quỹ khen thưởng đã thực trích năm 2016	(1.156.199.386)	
Quỹ khen thưởng đã ước tính năm 2016 <i>(Báo cáo kiểm toán năm 2016)</i>	(578.099.693)	
Ảnh hưởng của Giá trị trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo thông tư 200	(578.099.693)	(67)
<b>Số đã điều chỉnh lại</b>	<b>10.983.894.169</b>	<b>1.210</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương và phụ cấp của Ban Giám đốc	668.707.537	495.936.386
<b>Cộng</b>	<b>224.810.015</b>	<b>183.230.769</b>

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	6.460.603.170	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>	-	-
Công ty CP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	12.391.635.293	1.271.234.550
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty CP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	118.710.455.114	5.315.168.082

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	621.321.790.263	56.929.317.001
<b>Bán hàng</b>		
Công ty CP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	183.649.587.898	46.166.289.028

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán do năm 2017 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thu Nhân  
Người lập biểu

Yên Bái, ngày 01 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Thị Thu Nhân  
Kê toán trưởng



Vũ Thanh Bình  
Giám đốc